TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 244/2022/HS-ST
Ngày 25 – 8 – 2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG H1 XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đại Minh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Hoàng Diệu - Cán bộ hưu trí

2. Bà Nguyễn Thị Tạc - Giáo viên nghỉ hưu

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hoài Trang - Thư ký Toà án nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Lệ Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 225/2022/HSST ngày 04 tháng 8 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 244/2022/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 8 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Bùi Văn T** *(Tên gọi khác: Bợm Em)*; Sinh ngày 28/12/2003; Tại: Tỉnh Đắk Lắk;

Nơi cư trú: Buôn K62, xã B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Thợ sơn nước; Trình độ học vấn: 06/12; Con ông Bùi Văn Chung, sinh năm 1979 và bà Lê Thị Hường, sinh năm 1982; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt, tạm giam từ ngày 16/7/2022 cho đến nay, có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Anh Phan Sĩ P, sinh năm 2004 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn C, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Lê Bá H, sinh ngày 17/10/2006

Người đại diện hợp pháp của anh Lê Bá H: Ông Lê Bá H1, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Xuân H4, sinh năm 1975 (là cha, mẹ ruột của anh Lê Bá H)

Đều trú tại: Số 337/50 V, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đều có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1987 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 98 Y1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

+ Anh Ngô Xuân Đ, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Trú tại: Số 123B Y, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người làm chứng:

+ Chị Lê Thị Thu H3, sinh ngày 12/3/2005

Người đại diện hợp pháp của chị Lê Thị Thu H3: Ông Lê Bá H1, sinh năm 1968 và bà Trần Thị Xuân H4, sinh năm 1975 (là cha, mẹ ruột của chị H3)

Đều trú tại: Số 337/50 V, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Đều có mặt).

+ Anh Lê Văn V *(Tên gọi khác: Tèo)*, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Thôn T, xã Ea Knuếc, huyện K3, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số 117 L, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ ngày 24/10/2021 đến ngày 27/11/2021, Bùi Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối, chiếm đoạt tài sản của 02 bị hại, cụ thể:

Vụ thứ nhất: Cuối tháng 10/2021 Bùi Văn T nhận sơn nhà cho anh Lê Văn V tại địa chỉ 117 L, phường T2, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Ngày 23/10/2021, T thuê anh Phan Sĩ P làm cùng, với tiền công 150.000 đồng/ngày. Khoảng 09 giờ ngày 24/10/2021, T hỏi mượn 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15, màu đỏ đen của anh P để đo đạc trần thạch cao thì anh P đồng ý. Sau khi đo đạc xong, T trả lại chiếc điện thoại Vivo V15 cho anh P. Khoảng 15 phút sau, T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Vivo V15 của anh P nên T lấy lý do tiếp tục đo trần thạch cao để mượn điện thoại của anh P thì anh P đồng ý và đưa chiếc điện thoại cho T. Sau khi lấy được điện thoại, T tắt nguồn điện thoại và đón xe taxi (chưa xác định được người điều khiển và biển số xe) đến tiệm cầm đồ ở địa chỉ: 98 Y1, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của anh Nguyễn Văn K và bán chiếc điện thoại Vivo V15 của anh P được số tiền 2.200.000 đồng. Sau đó, anh K đã bán chiếc điện thoại Vivo V15 cho người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 2.500.000 đồng. Khi không thấy T trả lại điện thoại, anh P đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 244/KL-HĐĐGTS ngày 07/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15, màu đỏ đen, Ram 6Gb, Rom 128Gb, bộ vi xử lý 8 nhân 2.1 GHz, trị giá 2.400.000 đồng.

Vụ thứ hai: Ngày 27/11/2021 do mối quan hệ quen biết, Bùi Văn T đến nhà cháu Lê Bá H ở địa chỉ 337/50 V, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk chơi.

Khoảng 17 giờ 30 cùng ngày, T hỏi mượn cháu H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, màu đen, để chơi game thì cháu H đồng ý. Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, T trả lại chiếc điện thoại Oppo A15S cho cháu H. Khoảng 10 phút sau T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Oppo A15S của cháu H nên T lấy lý do soi đường ra nhà vệ sinh để mượn điện thoại của cháu H, thì cháu H đồng ý và đưa chiếc điện thoại cho T. Sau khi lấy được điện thoại, T đi đến tiệm cầm đồ ở địa chỉ: 123B Y, phường E1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk của anh Ngô Xuân Đ, cầm cố được số tiền 1.500.000 đồng. Đến sáng ngày 28/11/2021, T quay lại tiệm cầm đồ và bán luôn chiếc điện thoại Oppo A15S cho anh Đ, anh Đ đưa thêm cho T số tiền 300.000 đồng. T sử dụng số tiền 1.800.000 đồng có được từ việc bán chiếc điện thoại Oppo A15S của cháu H mua 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S với giá 950.000 đồng và tiêu xài cá nhân hết. Sau đó, anh Đ đã bán chiếc điện thoại Oppo A15S cho người khác (chưa rõ nhân thân, lai lịch) với số tiền 2.500.000 đồng. Cháu H sau khi không thấy T trả lại điện thoại đã đi tìm nhưng không thấy T đâu. Sau đó T hứa hẹn sẽ trả lại chiếc điện thoại Oppo A15S cho cháu H nhưng không trả nên cháu H đã trình báo sự việc đến cơ quan Công an.

Tại Kết luận định giá tài sản số 254/KL-HĐĐGTS ngày 18/12/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự thành phố B xác định: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15s, màu đen, Ram 4Gb, Rom 64Gb, số Imei 1: 866314057402255, số Imei 2: 866314057402248, trị giá 2.900.000 đồng.

Cáo trạng số: 241/CT-VKS ngày 03/8/2022 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đã truy tố bị cáo Bùi Văn T, về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

- Tại phiên toà bị cáo Bùi Văn T khai: Hành vi phạm tội của bị cáo như nội dung bản cáo trạng đã nêu là đúng. Khoảng hơn 09 giờ ngày 24/10/2021 tại số 117 L, phường T2, TP. B, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Vivo V15 của anh P nên nói dối với anh P lấy lý do tiếp tục đo trần thạch cao để mượn điện thoại của anh P thì anh P đồng ý và đưa chiếc điện thoại cho bị cáo. Sau khi lấy được điện thoại, bị cáo tắt nguồn điện thoại và đón xe taxi đến tiệm cầm đồ bán chiếc điện thoại Vivo V15 của anh P được số tiền 2.200.000 đồng. Khoảng 19 giờ ngày 27/11/2021 tại 337/50 V, phường K1 TP. B, bị cáo nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại Oppo A15S của cháu H nên lấy lý do soi đường ra nhà vệ sinh để mượn điện thoại của cháu H thì cháu H đồng ý và đưa chiếc điện thoại cho bị cáo. Sau khi lấy được điện thoại bị cáo đi đến tiệm cầm đồ cầm được 1.500.000 đồng, đến sáng ngày 28/11/2021 bị cáo quay lại tiệm cầm đồ và bán luôn chiếc điện thoại để lấy thêm 300.000 đồng để tiêu xài cá nhân.

- Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP. B giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng, phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi nguy hiểm của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn T phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T từ 09 tháng đến 12 tháng tù.

Các biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 46; Điều 48; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật Dân sự.

Tịch thu sung ngân sách nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, số ImeI: 358355061695439, đã qua sử dụng, màu xám, ốp lưng màu đỏ của bị cáo Bùi Văn T.

Trả lại: 01 sim Vinaphone số 0917642893 và 01 thẻ sim điện thoại ghi chữ Itel có dãy số 898408100, 08728676004 cho bị cáo Bùi Văn T.

Buộc bị cáo Bùi Văn T pH bồi thường cho anh Phan Sĩ P số tiền là 2.400.000 đồng và anh Lê Bá H số tiền là 2.900.000 đồng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận, bào chữa gì, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. Buôn Ma Thuột, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ai kH4 nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp các tài liệu, chứng cứ khác được thu thập có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 24/10/2021 tại địa chỉ số 117 L, phường T2, thành phố B, bị cáo Bùi Văn T đã dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của anh Phan Sĩ P 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15 có trị giá 2.400.000 đồng. Đến khoảng 19 giờ ngày 27/11/2021 tại địa chỉ số 337/50 V, phường K1, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, bị cáo Bùi Văn T đã tiếp tục dùng thủ đoạn gian dối lừa đảo chiếm đoạt của anh Lê Bá H 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S có trị giá 2.900.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị cáo Bùi Văn T đã chiếm đoạt là 5.300.000 đồng.

Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Viện kiểm sát nhân dân TP. B truy tố bị cáo Bùi Văn T về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* quy định tại khoản 1 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Điều 174 Bộ luật Hình sự quy định:

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng

thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

a) ……..”.

[4] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm bất hợp pháp đối với quyền sở hữu về tài sản của anh Phan Sĩ P và anh Lê Bá H, đồng thời còn gây mất ổn định trị an xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, buộc pH nhận thức được việc làm của mình, biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm bất hợp pháp đều bị pháp luật nghiêm trị, nhưng vì động cơ tham lam tư lợi, coi thường pháp luật nên vào ngày 24/10/2021 và ngày 27/11/2021 bị cáo đã thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt 02 chiếc điện thoại di động của anh Phan Sĩ P và anh Lê Bá H mang đi bán lấy tiền tiêu xài cá nhân. Vì vậy, bị cáo hoàn toàn pH chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra.

[5] Về nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo Bùi Văn T thực hiện 02 lần phạm tội vào ngày 24/10/2021 và ngày 27/11/2021, mỗi lần chiếm đoạt tài sản có trị giá trên 2.000.000 đồng, phạm tội đối với anh Lê Bá H, sinh ngày 17/10/2006 là người dưới 16 tuổi. Nên bị cáo đã phạm tội với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự *“Phạm tội 02 lần trở lên”* và *“Phạm tội đối với người dưới 16 tuổi”* theo quy định tại điểm g, i khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; tại phiên tòa người đại diện hợp pháp của bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

Khi phạm tội bị cáo Bùi Văn T là người dưới 18 tuổi phạm tội, nên cần áp dụng Điều 91 và khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đã phân tích ở trên. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng mức hình phạt cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân tốt, đồng thời có tác dụng răn đe, phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[6] Đối với anh Nguyễn Văn K và anh Ngô Xuân Đ là người mua lại 02 chiếc điện thoại di động mà bị cáo Bùi Văn T chiếm đoạt của người khác nhưng anh K và anh Đ đều không biết tài sản này là do bị cáo chiếm đoạt mà có, nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý đối với anh Nguyễn Văn K và anh Ngô Xuân Đ là phù hợp.

Đối với tài xế lái xe taxi chở bị cáo Bùi Văn T đi bán chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15, không biết việc bị cáo chiếm đoạt chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15 của anh Phan Sĩ P, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý.

Đối với người mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Vivo V15 và người mua chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A15S, không biết các chiếc điện thoại là tài sản do người khác phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B không đề cập xử lý.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Anh Phan Sĩ P và Lê Bá H yêu cầu bị cáo Bùi Văn T bồi thường đối với chiếc điện thoại di động đã bị chiếm đoạt không thu hồi được là có căn cứ. Do vậy, cần buộc bị cáo Bùi Văn T pH bồi thường trị giá đối với 02 chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt, cụ thể bồi thường cho anh Phan Sĩ P số tiền là 2.400.000 đồng và anh Lê Bá H số tiền là 2.900.000 đồng.

[8] Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Đối với: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, số ImeI: 358355061695439, đã qua sử dụng, màu xám, ốp lưng màu đỏ, đây là tài sản của bị cáo Bùi Văn T, bị cáo đã sử dụng số tiền bán chiếc điện thoại di động đã chiếm đoạt của anh Lê Bá H để mua mà có nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với: 01 sim Vinaphone số 0917642893 và 01 thẻ sim điện thoại ghi chữ Itel có dãy số 898408100, 08728676004, đây là tài sản của bị cáo Bùi Văn T, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo Bùi Văn T.

[9] Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 174; điểm g, i khoản 1 Điều 52; điểm h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; khoản 1 Điều 101 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Bùi Văn T *(Tên gọi khác: Bợm Em)* phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Văn T *(Tên gọi khác: Bợm Em)* 01 *(Một)* năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giam ngày 16/7/2022.

- Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; các Điều 584, 585, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Bùi Văn T *(Tên gọi khác: Bợm Em)* phải bồi thường cho anh Phan Sĩ P số tiền là 2.400.000 đồng và anh Lê Bá H số tiền là 2.900.000 đồng.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5S, số ImeI: 358355061695439, đã qua sử dụng, màu xám, ốp lưng màu đỏ của bị cáo Bùi Văn T.

+ Tuyên trả: 01 sim Vinaphone số 0917642893 và 01 thẻ sim điện thoại ghi chữ Itel có dãy số 898408100, 08728676004 cho bị cáo Bùi Văn T.

(Vật chứng nêu trên có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 04/8/2022 giữa Công an TP. B với Chi cục thi hành án dân sự TP. B).

- Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Bùi Văn T *(Tên gọi khác: Bợm Em)* phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo, bị hại, người đại diện hợp pháp của bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk; TANDTC;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP. BMT; Tỉnh;
- CA TP. BMT;
- THAHS; CC THADS TP. BMT;
- Bị cáo; Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ; VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đại Minh